

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG THÁI 682

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG THÁI 682

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400868637

3. Ngày thành lập: 25/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thum Cũ, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0862989882

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
10.	Sản xuất sợi	1311
11.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
12.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
13.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
14.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
15.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
16.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
17.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

24.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
25.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
26.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
27.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
28.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
29.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
30.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
31.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
36.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
37.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
40.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình điện	4221
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
49.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
50.	Xây dựng công trình thủy	4291
51.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
52.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
54.	Phá dỡ	4311
55.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4511
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4512
63.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4513
64.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
65.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4530
66.	Bán mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4541
67.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4543
69.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4610
70.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
71.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
72.	Bán buôn thực phẩm	4632
73.	Bán buôn đồ uống	4633
74.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
76.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
80.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
81.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
84.	Bán buôn tổng hợp	4690
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
86.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
91.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
92.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Cho thuê xe có động cơ	7710
102.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
103.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
104.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
105.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
106.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
108.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
109.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
110.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012

6. Vốn điều lệ: 16.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 122230065

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thum Cũ, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thum Cũ, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 02/03/1998 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 122230065

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thum Cũ, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thum Cũ, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang